

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP
VỐN TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 101 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Thường Phước, xã Thường Phước	4,90	3,10	3,10				Xã Thường Phước	Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới	Hiện trạng 1,8 ha
2	Nâng cấp, cải tạo đường dây 110kV Trần Quốc Toàn – An Long	1,06	1,06	0,79			0,26	Xã An Long	QĐ số 2981/QĐ-EVNSPC ngày 07/10/2025 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam	
3	Nâng cấp, cải tạo đường dây 110kV Trần Quốc Toàn – An Long	0,67	0,67	0,50			0,17	Xã Thanh Bình	QĐ số 2981/QĐ-EVNSPC ngày 07/10/2025 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam	
4	Nâng cấp, cải tạo đường dây 110kV Trần Quốc toàn - An Long	0,35	0,35	0,26			0,09	Xã Tân Thạnh	QĐ số 2981/QĐ-EVNSPC ngày 07/10/2025 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam	
5	Nâng cấp, cải tạo đường dây 110kV Trần Quốc toàn - An Long	0,49	0,49	0,37			0,12	Xã Bình Thành	QĐ số 2981/QĐ-EVNSPC ngày 07/10/2025 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam	



STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
6	Nâng cấp, cải tạo đường dây 110kV Trần Quốc toàn - An Long	0,18	0,18	0,13			0,04	Xã Phong Mỹ	QĐ số 2981/QĐ-EVNSPC ngày 07/10/2025 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam	
7	Hạ tầng giao thông khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp	138,30	138,30	73,50			64,80	Các xã, phường: Sa Đéc, Tân Dương, Tân Khánh Trung, Hòa Long, Mỹ An Hưng, Lấp Vò, Lai Vung và Phong Hòa	QĐ số 1063/QĐ-TTg ngày 02/06/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Đề xuất dự án "Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam Sông Tiền tỉnh Đồng Tháp" sử dụng vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	
8	Trục giao thông đô thị thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang đoạn qua tỉnh Tiền Giang (Quy hoạch Quốc lộ 50B)	12,00	12,00	0,60			11,40	Phường Đạo Thạnh	Nghị quyết số 12/HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND tỉnh Tiền Giang	
		0,53	0,53				0,53	Phường Trung An		
		44,45	14,72				14,72	Xã Mỹ Tịnh An		
		19,92	19,92	3,98			15,94	Xã Lương Hòa Lạc		
9	Đường Hùng Vương (đoạn từ Quốc lộ 50 đến Quốc lộ 1)	5,60	5,60	0,28			5,32	Phường Đạo Thạnh	Đang xin chủ trương đầu tư	
		5,00	5,00				5,00	Xã Châu Thành		
		8,40	8,40	0,84			7,56	Xã Lương Hòa Lạc		



STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
10	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa phận tỉnh Tiền Giang kết nối với tỉnh Long An và tỉnh Bến Tre, giai đoạn 1	29,43	29,43	11,77			17,66	Xã Gò Công Đông	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của HĐND tỉnh Đồng Tháp	
		15,82	15,82	6,33			9,49	Xã Tân Điền		
		2,92	2,92	1,16			1,76	Xã Tân Đông		
		24,76	24,76	7,42	0,49		16,85	Xã Tân Phú Đông		
		49,19	35,14	14,05			21,09	Xã Gia Thuận		
11	Đường tỉnh 877C (Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 50, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận)	7,85	7,85	2,35			5,50	Phường Bình Xuân	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND tỉnh Tiền Giang	
		5,33	5,33	1,60			3,73	Phường Sơn Qui		
		3,60	3,60				3,60	Xã Châu Thành		
		17,78	17,78	3,55			14,23	Xã Lương Hòa Lạc		
		22,40	4,48	4,48				Xã Tân Thuận Bình		
		9,62	9,62	1,92			7,70	Xã An Thạnh Thủy		
		11,94	11,94	3,58			8,36	Xã Đồng Sơn		
		9,08	9,08	2,72			6,36	Xã Phú Thành		
12	Đường tỉnh 870B (từ vòng xoay Chùa Phước Lâm đến Quốc lộ 1)	3,83	3,83	0,38			3,45	Phường Trung An	Đang xin chủ trương đầu tư	
		10,57	10,57	1,05			9,52	Xã Châu Thành		
		2,18	2,18	0,43			1,75	Xã Long Hưng		
	Tổng	468,14	404,64	147,15	0,49	0,00	257,00			

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP
VỐN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 104 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Dự án Đường Tràm Chim nối dài (từ đường N2 đến đường vành đai 1)	1,28	1,28	1,28				Xã Tràm Chim	QĐ số 526/QĐ-UBND-HC ngày 30/5/2025 của UBND huyện Tam Nông	
2	Dự án Cầu Đường Gạo 4 (kết nối dự án biến đổi khí hậu)	1,13	0,22	0,10			0,12	Xã Tràm Chim	QĐ số 593/QĐ-UBND-HC ngày 19/6/2025 của UBND huyện Tam Nông	
3	Đường bệnh viện (Đ5 công chính và Đ9 công phụ bệnh viện); hạng mục: Nền, mặt đường, cống thoát nước và vỉa hè	1,11	1,11				1,11	Xã Thanh Bình	Quyết định số 34/QĐ-UBND.HC ngày 24/02/2025 của UBND huyện Thanh Bình	
4	Cầu ngọן Nhà Hay	0,35	0,35				0,35	Xã Phong Mỹ	QĐ số 523/QĐ-UBND ngày 10/9/2024 của UBND huyện Cao Lãnh	Dự án do Ban QLDA ĐTXD khu vực 2 làm Chủ đầu tư
5	Đường số 3 (đoạn từ Đường ven sông Tiền - Đường số 19)	0,38	0,38				0,38	Phường Cao Lãnh	QĐ số 101/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND thành phố Cao Lãnh	
6	Dự án Trường mầm non Bình Minh, phường Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh	1,45	1,45	0,83			0,62	Phường Mỹ Ngãi	QĐ số 36/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND TP Cao Lãnh	
7	Đường Nguyễn Thiện Thuật (từ cầu Trái Bì đến cầu Nàng Hai)	0,20	0,20				0,20	Phường Sa Đéc	QĐ số 49/QĐ-UBND-XDCB ngày 29/4/2025 của UBND thành phố Sa Đéc	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
8	Cầu bắc qua cồn Tân Long	1,08	1,08				1,08	Phường Mỹ Tho		
9	Kè phía bờ Bắc - Nam cồn Tân Long	2,33	2,33				2,33	Phường Mỹ Tho	Sở Tài chính đang lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	
10	Kè + đường giao thông dọc sông Tiền và cầu qua sông Bảo Định trên địa bàn phường Mỹ Tho	2,19	2,19				2,19	Phường Mỹ Tho		
11	Đường Âu Dương Lân nối dài	0,35	0,35				0,35	Các khu phố: 1, 6; phường Mỹ Phong		
12	Nâng cấp, mở rộng đường huyện lộ 89 (Đoạn từ ĐT Nguyễn Trung Trực đến ĐT 879B)	0,15	0,15				0,15	Các khu phố: Mỹ Thanh, Mỹ Hòa; phường Mỹ Phong		
13	Nâng cấp, mở rộng chỉnh trang Đường huyện 86C	0,60	0,60				0,60	Khu phố Bình Phong; phường Mỹ Phong		
14	Xây dựng mới nhà văn hóa phường Mỹ Phong	0,50	0,50				0,50	Khu phố 1, phường Mỹ Phong		
15	Nâng cấp, mở rộng Đường Huyện 87C (Kênh Nổi)	0,89	0,89				0,89	Các khu phố: 3, Bình Phong; phường Mỹ Phong		
16	Trụ sở Công an phường Mỹ Phong	1,00	1,00	1,00				Khu phố 6, phường Mỹ Phong		
17	Trường Cao đẳng y tế	0,25	0,25				0,25	Khu phố 6, phường Mỹ Phong		
18	Đường vào Trường Nam Định (giai đoạn 2 từ Kênh Xáng cụt đến Lê Văn Phẩm)	0,52	0,52				0,52	Khu phố 12, phường Thới Sơn		
19	Khu dân cư Trung An	21,52	0,15				0,15	Khu phố Bình Tạo, phường Trung An		

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
20	Đường tỉnh 862B (trục đô thị biển).	0,65	0,65	0,05			0,60	Phường Gò Công	Đang xin chủ trương đầu tư	
		10,20	10,20	4,00			6,20	Xã Gò Công Đông		
		10,00	10,00	4,00			6,00	Xã Tân Hòa		
21	Đường Vành đai - tuyến tránh quốc lộ 50 đoạn qua trung tâm thành phố Gò Công (nay là phường Gò Công)	25,24	25,24	17,93			7,31	Các khu phố: Chợ Mới, Giồng Cát, Kim Liên, Tân Xã, Việt Hùng; phường Gò Công và xã Phú Thành		
22	Nâng cấp, mở rộng đường và cầu kết nối Đường tỉnh 873B và Đường tỉnh 873	2,21	2,03	1,84			0,19	Các khu phố: Long Bình, Thành Nhứt; phường Bình Xuân	Đang trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư	
23	Đường kênh Bến Xe	1,52	1,52	0,28			1,24	Các khu phố: Hưng Hòa, Hưng Phú; phường Sơn Qui		
24	Mở rộng di tích Lăng Hoàng Gia	0,35	0,35				0,35	Khu phố Lăng Hoàng Gia, phường Sơn Qui		
25	Nâng cấp Đường huyện 54B (Đông Ba Rài)	4,96	3,39	0,38			3,01	Phường Thanh Hòa, xã Bình Phú	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND, Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của HĐND tỉnh Tiền Giang	
26	Nâng cấp, mở rộng ĐT 874B (từ Quốc lộ 1 đến ĐT 874B phía Nam QL1)	0,82	0,82				0,82	Phường Nhị Quý		
27	Đường Mỹ Trang (đoạn đường tránh 868 - ranh xã Tân Phú)	1,00	1,00				1,00	Phường Nhị Quý		

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
28	Đường Lê Quang Công (ranh Phường Cai Lậy – Nguyễn Văn Tòng)	0,52	0,52				0,52	Phường Nhị Quý		
29	Mở rộng đường vào trường Phạm Thanh Trung	0,13	0,13				0,13	Áp 2, xã Thanh Hưng		
30	Mở rộng trường Tiểu học Tân Hưng (điểm chính)	0,20	0,20				0,20	Áp 12, xã Thanh Hưng		
31	Mở rộng QL30 - Ranh tỉnh	0,09	0,09				0,09	Các ấp: 5, 8; xã Thanh Hưng		
32	Mở rộng Quốc lộ 30	0,26	0,26				0,26	Áp 5, xã Thanh Hưng		
33	Đường tỉnh 864 (đường dọc sông Tiền)	9,15	9,15				9,15	Các ấp: 5, 8; xã Thanh Hưng		
34	Đường tỉnh 861B (Nâng cấp ĐH82 thành ĐT 861B)	5,07	5,07				5,07	Áp 11, xã Thanh Hưng		
35	Mở rộng Đường Tây Kênh 9 (Hậu Quới)	3,12	1,30				1,30	Áp Hậu Quới, xã Hậu Mỹ		
36	Đường Tây Kênh 8	4,50	2,00	0,50			1,50	Áp Mỹ Trinh A, xã Hậu Mỹ		
37	Đường Kênh Mới (Đoạn còn lại)	1,00	0,40	0,20			0,20	Áp Mỹ Tường B, xã Hậu Mỹ		
38	Nhà văn hóa ấp Mỹ Chánh A	0,10	0,10				0,10	Áp Mỹ Chánh A, xã Hội Cư		
39	Đường huyện 35 (Quy hoạch đường tỉnh 880 đoạn từ ĐT.876 đến Cầu Ba Rài)	0,30	0,30	0,05			0,25	Xã Bình Phú	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh đã lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	
		0,30	0,30	0,05			0,25	Xã Hiệp Đức		
		9,30	9,30	1,50			7,80	Xã Vĩnh Kim		
		13,00	13,00	2,00			11,00	Xã Long Tiên		
40	Trường THCS Nguyễn Tuấn Việt	0,30	0,30				0,30	Áp 2, xã Bình Phú		
41	Trường Tiểu học Cẩm Sơn	0,10	0,10				0,10	Áp 8, xã Bình Phú	Ban QLDA đầu tư xây dựng KV3 đã lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
42	Cổng Thủ Cẩm, xã Ngũ Hiệp	0,05	0,05				0,05	Ấp Hòa Thịnh, xã Ngũ Hiệp		
43	Cổng Đập Lầu, xã Ngũ Hiệp	0,05	0,05				0,05	Ấp Hòa Hào, xã Ngũ Hiệp		
44	Cổng Cái Bần, xã Ngũ Hiệp	0,05	0,05				0,05	Ấp Tân Đông, xã Ngũ Hiệp		
45	Cổng Ông Dú, xã Ngũ Hiệp	0,05	0,05				0,05	Các ấp: Hòa Hào, Hòa An; xã Ngũ Hiệp		
46	Cổng Ba Kẽm, xã Ngũ Hiệp	0,05	0,05				0,05	Ấp Tân Sơn, xã Ngũ Hiệp		
47	Đường huyện 70	8,91	8,91				8,91	Xã Ngũ Hiệp		
48	Đường vào cụm Công nghiệp Mỹ Phước (khu đất công 200 ha) huyện Tân Phước	5,00	5,00	0,50			4,50	Các ấp: 3, 5; xã Tân Phước 1	QĐ số 1028/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh Tiền Giang	
49	Khu tái định cư trung tâm xã	4,50	4,50				4,50	Ấp 1, xã Tân Phước 2		
50	Đường vào Cổng Nam Khu công nghiệp Tân Hương	1,47	1,47				1,47	Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương và một phần xã Châu Thành		
51	Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 879	3,84	0,37				0,37	Các ấp: Mỹ Trường, An Thị, Trung Hòa; xã Mỹ Tịnh An	CV số 159/SXD-KTĐT ngày 12/3/2025 của Sở Xây dựng; QĐ số 700/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tỉnh Tiền Giang	
52	Trường Tiểu học Mỹ Tịnh An (mở rộng)	0,35	0,35				0,35	Ấp Mỹ Trường, xã Mỹ Tịnh An	QĐ số 700/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tỉnh Tiền Giang	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
53	Nâng cấp mở rộng đèn thờ Thủ Khoa Huân	1,87	1,15				1,15	Ấp Hòa Quới, xã Mỹ Tịnh An	QĐ số 700/QĐ-UBND ngày 31/3/2025, CV số 3589/UBND-KT ngày 15/5/2025 của UBND tỉnh Tiền Giang	
54	Đường nhà trẻ (đoạn 2) ấp An Lạc A	0,35	0,05	0,05				Ấp An Lạc A, xã Lương Hòa Lạc		
55	Đường Phú Khương A-C (Đoạn ấp Phú Khương C đến Mỹ Tịnh An)	0,68	0,17	0,17				Ấp Phú Khương C, xã Lương Hòa Lạc		
56	Nâng cấp mở rộng đường Đỗ Văn Kiệm	0,50	0,50				0,50	Ấp Bình Hạnh, xã Chợ Gạo		
57	Nâng cấp mở rộng đường Trần Văn Hiến (từ đường 3 tháng 2 đến đường Dương Khuy)	0,50	0,50				0,50	Ấp 2, xã Chợ Gạo		
58	Nâng cấp mở rộng đường Lê Văn Trọng	0,50	0,50				0,50	Các ấp: Bình Long, Bình An; xã Chợ Gạo		
59	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Văn Nghiệp	0,50	0,50				0,50	Các ấp: Bình Long, Bình An; xã Chợ Gạo		
60	Đường kết nối đô thị thị trấn Vĩnh Bình và Long Bình	5,00	5,00	1,50			3,50	Xã Vĩnh Bình	Đang xin chủ trương đầu tư	
61	Đường huyện 15	5,88	5,88	3,14			2,74	Xã Vĩnh Bình	Đang xin chủ trương đầu tư	
62	Đường Tây Kênh Tiếp Nước	1,96	0,70	0,26			0,44	Các ấp: Long Quới, Ninh Quới, Hòa Phú; xã Long Bình		
63	Đường kết nối đô thị thị trấn Vĩnh Bình và Long Bình	9,00	9,00	8,00			1,00	Các ấp: Hưng Hoà, Thới An B, Thới An A, Vĩnh Quới, Phú Quới; xã Vĩnh Hựu		



STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
64	Đường Huyện 15	1,10	1,10	0,80			0,30	Các ấp: Phú Quí, Bình An; xã Vĩnh Hựu		
65	Đường Huyện 15C	1,00	1,00	0,70			0,30	Các ấp: Bình An, Thạnh Thới; xã Vĩnh Hựu		
66	Đường Thới An A - Phú Quới	1,00	0,80	0,60			0,20	Các ấp: Thới An A, Vĩnh Quới, Phú Quới; xã Vĩnh Hựu		
67	Đường Hưng Hoà - Long Bình	1,20	1,20	0,80			0,40	Các ấp: Hưng Hoà, Thới An B; xã Vĩnh Hựu		
68	Trụ sở công an xã Tân Điền	1,00	1,00	1,00				Ấp Xóm Đen, xã Tân Điền		
69	Trụ sở Ủy ban nhân dân - Đảng uỷ xã Tân Điền	2,00	2,00	2,00				Ấp Xóm Đen, xã Tân Điền		
70	Khu neo đậu tránh trú bão Long Ưông.	2,00	2,00				2,00	Ấp Dương Hòa, xã Tân Hòa		
71	Đường ĐH.03	0,52	0,52	0,22			0,30	Các ấp: Thanh Nhung 1, Thanh Nhung 2; xã Tân Hòa		
72	Trường Tiểu học Bình Nghi	0,33	0,33	0,15			0,18	Ấp Hòa Bình, xã Tân Hòa		
73	Kè phía Tây sông Long Ưông (đoạn cầu Tân Hòa đến cầu Nguyễn Văn Côn)	0,23	0,23				0,23	Ấp Hòa Thơm, xã Tân Hòa		
74	Đường huyện 02, (huyện Gò Công Đông cũ) đoạn giao từ ĐH.02 đến ĐH.10	0,39	0,39	0,10			0,29	Ấp Tân Phước 3, xã Tân Đông	Đã được chấp thuận cho lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và giao vốn chuẩn bị đầu tư	



STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
75	Xây dựng cầu qua Đê trên đường huyện 02	0,04	0,04				0,04	Ấp Tân Phước 4, xã Tân Đông	Đã được chấp thuận cho lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và giao vốn chuẩn bị đầu tư	
76	Mở rộng di tích Ao Dinh	0,30	0,30	0,30				Ấp Tân Phước 4, xã Tân Đông		
77	Trường Tiểu học Tân Tây	0,13	0,13	0,13				Ấp Tân Tây 5, xã Tân Đông		
78	Trường Mầm non Tân Tây	1,00	1,00	0,55			0,45	Ấp Tân Tây 3, xã Tân Đông		
79	Trung Tâm công tác xã hội khu vực Gò Công	3,00	3,00	1,88			1,12	Ấp Gò Lức, xã Tân Đông		
80	Nâng cấp mở rộng đường 873B (đoạn qua khu vực trung tâm đô thị)	1,00	1,00	0,25			0,75	Các ấp: Tân Tây 1, 3, 4, 5, 6, 7; xã Tân Đông		
81	Đường tỉnh 873C	6,25	6,25	3,05			3,20	Các ấp: Tân Tây 1, Tân Tây 3; xã Tân Đông		
82	Đường 84D nối dài (ĐT 877B đến đường Ninh Thạnh)	0,29	0,29				0,29	Ấp Tân Thạnh, xã Tân Thới		
	Tổng	215,52	180,11	62,13	0,00	0,00	117,98			

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP
VỐN XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số 104 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đường Năm Nghi - Ba Làng (đoạn từ cầu Năm Nghi đến cầu cầu Thường Quang)	2,14	2,14	2,00			0,14	Xã Tân Dương	QĐ số 50/QĐ-UBND XDCB ngày 29/4/2025 của UBND thành phố Sa Đéc	
2	Nhà văn hóa ấp 12	0,02	0,02				0,02	Ấp 12, xã Thanh Hưng		
3	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã	0,21	0,21				0,21	Các ấp: 2, 10; xã Thanh Hưng		
4	Nhà văn hóa ấp 11	0,03	0,03				0,03	Ấp 11, xã Thanh Hưng		
5	Trạm y tế	0,10	0,10				0,10	Ấp 8, xã Thanh Hưng		
6	Đường đò đê Đông sông Cái Lân	1,25	1,25	0,20			1,05	Ấp 12, xã Thanh Hưng		
7	Đường QL1A - Ranh Thiện Trí	0,03	0,03					Ấp Mỹ Quới, xã Mỹ Đức Tây		
8	Đường và cầu (Kênh 28 và Kênh 5) nối liền đường tỉnh 861 - 863	17,00	17,00	2,00			15,00	Các ấp: Mỹ Thị A, Mỹ Hiệp; xã Mỹ Thiện	Đang xin chủ trương đầu tư	
9	Đường chùa Triều Long nối dài Liên ấp Lương Phú A - Lương Phú C	0,74	0,12	0,12				Các ấp: Lương Phú A, Lương Phú C; xã Lương Hòa Lạc		
10	Đường cặp kênh Mai Văn Lý	1,74	1,74				1,74	Ấp Ruộng Cạn, xã Tân Hòa		



STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
11	Đường Vạn Thành (Trường Mỹ)	1,70	1,70				1,70	Ấp Vạn Thành, xã Tân Hòa		
12	Đường cấp kênh 2 Cù Đền (đường quy hoạch đô thị N17)	2,30	2,30	1,00			1,30	Các ấp: Hòa Thơm 2, Xóm Gò; xã Tân Hòa		
13	Đường Nguyễn Văn Trang	1,19	1,19	0,60			0,59	Các ấp: Thanh Nhung 1, Dương Hòa; xã Tân Hòa		
14	Chợ Giồng Tân	0,17	0,17				0,17	Ấp Tân Xuân, xã Tân Hòa		
15	Đường D9 nối dài	6,28	6,28	4,32			1,96	Xã Tân Phú Đông		
16	Nâng cấp đoạn đê và các cống trên đê cặp sông Cửa Trung đoạn từ Bãi Bùn đến Kinh Nhiêm	2,31	2,31	1,57			0,74	Xã Tân Phú Đông		
17	Đường Nông Trường II (đoạn qua ấp Lý Quàn 2)	0,27	0,27				0,27	Xã Tân Phú Đông		
	Tổng	37,47	36,86	11,81	0,00	0,00	25,02			



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP
DỰ ÁN THUỘC NGUỒN VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH, ĐẦU TƯ QUA NGÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 104 /NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Cụm Công nghiệp An Hòa	43,00	41,71	37,99			3,73	Phường Hồng Ngự	Quyết định số 117/QĐ-UBND-TL ngày 22/7/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp	
2	Khu đô thị thông minh Rừng Xanh (Giai đoạn 2)	14,19	6,42				6,42	Xã Thường Phước	Kế hoạch số 376/KH-UBND ngày 05/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp	- Đất Nhà nước quản lý: 7,77 ha - Đất hộ gia đình, cá nhân quản lý: 6,42 ha
3	Dự án khu dân cư – Thương mại dịch vụ Hồ điều hòa (khu I)	9,70	9,70	9,40			0,30	Xã Tràm Chim		Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp
4	Dự án Khu dân cư bờ Tây đường Nguyễn Huệ (khu II)	8,55	8,55	8,20			0,35	Xã Tràm Chim		Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp
5	Dự án Khu dân cư - Thương mại dịch vụ, phố đi bộ (khu III)	8,70	8,70	8,30			0,40	Xã Tràm Chim		Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp
6	Dự án Khu dân cư bờ Bắc đường vành đai (Đê bao biển đổi khí hậu, Khu IV)	8,10	8,10	8,00			0,10	Xã Tràm Chim		Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
7	Dự án Khu dân cư liền kề Khu dân cư bờ Bắc đường vành đai (khu V)	5,80	5,80	5,50			0,30	Xã Tràm Chim		Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp
8	Dự án Khu đô thị Tràm Chim	127,00	127,00	127,00				Xã Tràm Chim		Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 28/12/2024 của HĐND tỉnh Đồng Tháp
9	Dự án Khu đô thị ngập nước - Ngọc sinh quyền	282,00	282,00	219,00			63,00	Xã Tràm Chim		Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp
10	Dự án khu dân cư Nam Đồng Tiến	12,35	12,35	0,50			11,85	Xã Tràm Chim		Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND tỉnh Đồng Tháp
11	Cụm công nghiệp Tiểu thủ công nghiệp, phường Mỹ Ngải, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	48,19	48,19	48,02			0,17	Phường Mỹ Ngải	TB số 2921-TB/TU ngày 27/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư Dự án CCN tiểu thủ công nghiệp TP. Cao Lãnh	
12	Khu dân cư phường Mỹ Phú	4,32	4,32				4,32	Phường Mỹ Trà		
13	Khu dân cư mới Mỹ Thượng	7,50	7,50	3,00			4,50	Phường Mỹ Trà		
14	Khu dân cư khóm Mỹ Thượng	7,70	7,70	5,30			2,40	Phường Mỹ Trà		
15	Khu đô thị mới An Lạc 2	44,86	44,86	31,35			13,51	Phường Mỹ Trà		
16	Khu đô thị Mỹ Trà	21,00	21,00	12,58			8,42	Phường Mỹ Trà		
17	Khu đô thị An Lạc 1	56,96	56,96	44,58			12,38	Phường Mỹ Trà		



STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi đất (ha)	Trong đó				Địa điểm (đến Khu phố/ấp/...)	Chủ trương đầu tư	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Đất khác			
(1)	(2)	(4)	(5)=(6)+(7)+(8)+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
18	Khu đô thị Phường 5	20,06	20,06	2,68			17,38	Khu phố 12A, phường Gò Công		
19	Cụm Công nghiệp Mỹ Lợi	50,00	50,00	35,60			14,40	Các khu phố: Lạc Hòa, Năm Châu; phường Sơn Qui		
20	Khu đô thị Gò Công Central	27,96	27,96	15,03			12,93	Khu phố Hưng Hòa, phường Sơn Qui		
21	Khu dân cư Bình Đông	20,47	20,47	6,82			13,65	Khu phố Lạc Hòa, phường Sơn Qui		
22	Khu đô thị Long Hưng	42,05	42,05	8,41			33,64	Các khu phố: Hưng Phú, Hưng Hòa; phường Sơn Qui		
23	Đường dây 110kV 2 mạch trạm 220KV Cần Đước – Cần Đước 110kV Gò Công – TBA 220kV Mỹ Tho (Treo trước 1 mạch)	0,75	0,75				0,75	Các xã: Chợ Gạo, An Thạnh Thủy, Tân Thuận Bình	QĐ số 157/QĐ-EVN SPC ngày 17/12/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam	
		0,20	0,20	0,16			0,04	Xã Vĩnh Bình		
		0,39	0,39	0,39				Xã Đồng Sơn		
24	Siêu thị	0,50	0,50	0,50				Ấp Gò Lức, xã Tân Đông		
Tổng		872,30	863,24	638,31	0,00	0,00	224,93			

